TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-08-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy;

Ông Võ Văn Chanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ẩn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Trần Thị H cưới nhau năm 2003, ông bà đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến hôn nhân không đạt hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân với nhau thời gian 04 năm nay. Nay cảm thấy tình cảm không còn nên ông Đ có đơn khởi kiện xem xét giải quyết ly hôn với bà H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diệu Th - sinh ngày 06/8/2004 (nữ) và Nguyễn Minh Th - sinh ngày 16/5/2006 (nam). Do các con đã lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu nợ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2003, bà H và ông Nguyễn Minh Đ tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đi, huyện N. Do không hợp nhau năm 2018 ông bà sống ly thân đến nay, trong thời gian sống ly thân cũng không hàn gắn được hôn nhân nên ông Đ xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diệu Th - sinh ngày 06/8/2004 (nữ) và Nguyễn Minh Th - sinh ngày 16/5/2006 (nam). Cháu Diệu Th đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Minh Th đang sống chung với mẹ, khi ly hôn xét nguyện vọng cháu sống chung với ai người đó nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Minh Đ và bà Trần Thị H, con chung giao cháu chưa trưởng thành cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng; tài sản và nợ không xem xét; án phí nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ và bị đơn bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Trần Thị H cưới nhau năm 2003, theo trình bày của ông Đ và bà H thì ông bà có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thể hiện giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyển số 01/2003 ngày 04/6/2023, tên Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1983 (chồng) và bà Trần Thúy H, sinh năm 1984 (vợ).

Bà H và ông Đ đều xác nhận, Trần Thúy H, sinh năm 1984 trong giấy chứng nhận kết hôn và Trần Thị H, sinh năm 1987 trong giấy căn cước công dân là cùng một người.

Tòa án có văn bản hỏi và Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn xác nhận là giấy đăng ký kết hôn trên là đúng.

Đối chiếu giấy khai sinh, căn cước công dân thì thời điểm đăng ký kết hôn bà H chưa đủ 18 tuổi là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Do đó, về mặt pháp lý giấy chứng nhận kết hôn số 131/2003 quyển số 01/2003 ngày 04/6/2003, tên Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1983 (chồng) và bà Trần Thúy H, sinh năm 1984 (vợ) là không có giá trị pháp lý.

Theo hướng dẫn Nghị quyết số 02/2000/NQ- HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 thì: *"Nếu đến thời điểm có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường, đã có con, có tài sản chung thì không quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Nếu mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn thì Toà án thụ lý vụ án để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung".*

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H đồng ý, thấy rằng việc đăng ký kết hôn của ông bà chưa đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà H là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diệu Th - sinh ngày 06/8/2004 (nữ) và Nguyễn Minh Th - sinh ngày 16/5/2006 (nam).

Cháu Diệu Th đã trưởng thành sống tự lập được, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Cháu Minh Th chưa đủ 18 tuổi, Tòa án có hỏi ý kiến cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu cho bà H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện,*

đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó", đương sự xác định không có tài sản và công nợ chung và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, án phí nguyên đơn đã nộp đủ.

Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Minh Đ và bà Trần Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Th - sinh ngày 16/5/2006 (nam) cho bà H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Thị Diệu Th - sinh ngày 06/8/2004 (nữ), đã trưởng thành các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016156 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân nguyên đơn đã nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính